TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN PHÚ **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 275/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 10/4/2023
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN PHÚ, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Thế Đông

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Quang Liêm

Bà Trần Quang Cảnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Bích Đào – Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Thị Thúy Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Tân Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 1261/2022/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 12 năm 2022 về tranh chấp "ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 114/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Tăng Thị K N, sinh năm 1991; địa chỉ: Số -- đường A, phường B, thành phố C tỉnh K. (Xin vắng mặt)

- *Bị đơn:* Ông Trần Hữu K, sinh năm 1980; địa chỉ: : Số -- đường E, phường F, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.; bị tuyên bố mất năng lực hành vi dân sự theo Quyết định số 277/2020/QĐST-DS ngày 27/8/2020 của Tòa án nhân dân quận Tân Phú.

Người giám hộ của ông K: Ông Trần Hữu P, sinh năm 1942; địa chỉ: Số -- đường E, phường F, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh. (Xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là bà Tăng Thị K N trình bày: Bà và ông Trần Hữu K tự nguyện chung sống từ năm 2013 và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường G, quận T. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc nhưng từ năm 2015 thì ông K bị tai nạn giao thông, mất năng lực hành vi dân sự. Sau đó, ông K sống cùng cha mẹ ruột tại Thành phố H, bà và con sống tại tỉnh K. Nay bà nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không có hạnh phúc

nên yêu cầu Tòa án cho ly hôn với ông K.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Trần Hoàng L, sinh ngày --/--/2014; hiện đang sinh sống cùng với mẹ. Khi ly hôn, bà yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung; không yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Bị đơn:* Ông Trần Hữu K bị tuyên bố mất năng lực hành vi dân sự theo Quyết định số 277/2020/QĐST-DS ngày 27/8/2020 của Tòa án nhân dân quận Tân Phú. Ông Trần Hữu Phan là cha ruột của ông K, được Tòa án chỉ định tham gia tố tụng với tư cách là người giám hộ trình bày: Ông và vợ là người trực tiếp chăm sóc cho ông K từ khi bị tai nạn, mất năng lực hành vi dân sự. Với tư cách là người đại diện của ông K thì ông đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà N.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ và chồng khi ly hôn: Ông P không có yêu cầu bà N phải cấp dưỡng cho ông K.

Vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 3 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ngày 15/2/2023, bà N và ông P có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký tòa án, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền: Bà Tăng Thị K N khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Trần Hữu K; ông K đang cư trú tại địa chỉ Số 725/2/17 đường Trường Chinh, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh. Xét đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Tân Phú theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục: Do các đương sự đều yêu cầu xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo Điều 227, Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào lời khai của đương sự và Giấy chứng nhận kết hôn Số 192, quyển số 1/2013, đăng ký ngày 22/11/2013 tại UBND phường G, quận T, Thành phố H thì có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa bà N và ông K là hợp pháp.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn: Bà N yêu cầu ly hôn vì ông K mất năng lực hành vi dân sự từ năm 2015, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, không còn tình cảm vợ chồng.

Xét vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Ông K mất năng lực hành vi dân sự đã lâu, dẫn đến không thể quan tâm, chăm sóc vợ con, chia sẻ công việc với bà N, khiến cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc, tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt.

Như vậy, tình trạng hôn nhân của bà N và ông K đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, bà N yêu cầu được ly hôn là chính đáng nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà N theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5] Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Trần Hoàng L, sinh ngày --/--/2014. Bà N là người đã trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung từ khi ông K mất năng lực hành vi dân sự. Khi ly hôn, bà N yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung; không yêu cầu cấp dưỡng. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận giao con chung cho bà N trực tiếp nuôi. Ghi nhận sự tự nguyện của bà N về việc không yêu cầu ông K cấp dưỡng cho con.

[6] Về tài sản: Bà N xác định không có tài sản chung, không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[7] Về nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ và chồng khi ly hôn: Ông K mất năng lực hành vi dân sự nhưng người giám hộ là ông P không có yêu cầu bà N phải cấp dưỡng cho ông K nên Tòa án không giải quyết.

[8] Về án phí: Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng do nguyên đơn là bà N chịu.

[9] Các kiến nghị của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa về nội dung vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 77, 78, khoản 4 Điều 147, Điều 227, 228, 235, 238, 266, 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 53 và Điều 54 Bộ luật Dân sự; Điều 24, 56, 57, 58, 59, 81, 82, 83, 84 và Điều 115 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Tăng Thị K N.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Tăng Thị K N được ly hôn với ông Trần Hữu K.

2. Về con chung: Bà N và ông K có 01 con chung là Trần Hoàng L, sinh ngày --/--/2014. Khi ly hôn, giao con chung cho bà N trực tiếp nuôi.

Ghi nhận sự tự nguyện của bà N về việc không yêu cầu ông K cấp dưỡng cho con.

Ông K có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của người đang trực tiếp nuôi con.

Vì lợi ích của con khi có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Toà án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, hoặc hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên.

3. Về tài sản chung: Bà N xác định không có tài sản chung hay nợ chung, không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

4. Về nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ và chồng khi ly hôn: Không có yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

5. Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng do bà N chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0036855 ngày 15/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà N đã nộp đủ án phí.

6. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự. Thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền./.

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND Q.Tân Phú;
- THADS Q.Tân Phú;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN –CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Thế Đông